

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 97/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học
trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Chỉ thị số 50/CT-TW ngày 04 tháng 03 năm 2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Căn cứ Quyết định số 188/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 07 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 50/CT-TW ngày 04 tháng 03 năm 2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020" (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát:

Nghiên cứu tạo ra các giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao, các chế phẩm công nghệ sinh học và ứng dụng vào sản xuất phục vụ nuôi trồng và phát triển thủy sản. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến, tăng tỷ

lệ thủy, hải sản được chế biến bằng công nghệ sinh học và nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm trên thị trường, phục vụ tốt nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2010:

- Nghiên cứu tạo ra và ứng dụng vào sản xuất một số giống thủy sản có năng suất và chất lượng cao; tạo ra các chế phẩm công nghệ sinh học thủy sản mới, đặc biệt là thức ăn và thuốc chữa bệnh phục vụ có hiệu quả cho nuôi trồng thủy sản và giảm thất thoát sau thu hoạch; tăng tỷ lệ các sản phẩm thủy, hải sản qua chế biến;
- Ứng dụng công nghệ sinh học để phòng trị có hiệu quả các bệnh nguy hiểm thường gặp trên các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực; xử lý chất thải và phế thải từ nuôi trồng, chế biến thủy sản phục vụ bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển, khai thác hợp lý và sử dụng bền vững các nguồn gen động vật thủy và vi tảo biển;
- Tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ có hiệu quả cho việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản;
- Bảo đảm 30% nhu cầu giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực (tôm sú, cá tra, cá rô phi, tôm càng xanh, cua biển, cá hồng, cá tráp, cá giò, cá song, nghêu...) được sản xuất có chất lượng cao, sạch bệnh; sản lượng các đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ lực tăng 15% nhờ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản.

b) Giai đoạn 2011 - 2015:

- Tiếp tục nghiên cứu tạo ra các giống thủy sản, chế phẩm công nghệ sinh học, vacxin mới... phục vụ nuôi trồng, phòng bệnh và điều trị một số bệnh nguy hiểm, thường gặp ở các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực; phát triển công nghệ bảo quản và chế biến sản phẩm thủy, hải sản. Bước đầu phát triển ngành công nghiệp sinh học thủy sản;
- Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản thêm một bước;

- Bảo đảm 70% nhu cầu giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực (tôm sú, cá tra, cá rô phi, tôm càng xanh, cua biển, cá hồng, cá tráp, cá giò, cá song, nghêu...) được sản xuất có chất lượng cao, sạch bệnh; sản lượng các đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ lực tăng 20% nhờ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản.

c) Tầm nhìn đến năm 2020:

- Đưa công nghệ sinh học thủy sản đạt trình độ các nước tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á. Hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp công nghệ sinh học thủy sản vừa và nhỏ, hoạt động có hiệu quả phục vụ tốt việc nuôi trồng, phòng trị bệnh và chế biến thủy sản;

- Bảo đảm 100% nhu cầu giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực (tôm sú, cá tra, cá rô phi, tôm càng xanh, cua biển, cá hồng, cá tráp, cá giò, cá song, nghêu...) được sản xuất là giống có chất lượng cao, sạch bệnh, phù hợp với các vùng sinh thái khác nhau; sản lượng các đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ lực tăng 30% nhờ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R-D), triển khai sản xuất thử sản phẩm (P) phục vụ phát triển công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản:

a) Sản xuất giống thủy sản:

- Kết hợp chọn giống truyền thống với phân tích biến dị ADN và sử dụng kỹ thuật gen để lựa chọn gen quý, ưu việt trong chọn giống các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực quan trọng (tôm sú, cá rô phi, cá tra, tôm càng xanh, cua biển, cá hồng, cá tráp, cá giò, cá song, nghêu...); tạo giống có tốc độ tăng trưởng nhanh, chất lượng thịt ngon, khả năng kháng bệnh, chịu lạnh cao;

- Ứng dụng các công nghệ di truyền như chuyển cấy gen, đa bội thể, điều khiển giới tính để tạo ra giống cá rô phi sinh trưởng nhanh, cá rô phi toàn đực, tôm càng xanh toàn đực, tôm sú toàn cái;

- Ứng dụng công nghệ sinh học (dinh dưỡng, sinh lý sinh sản, công nghệ gen) để tạo ra giống tôm sú bố mẹ sạch bệnh, tạo đàn cá tra có tỷ lệ phôi cao, thịt màu trắng phục vụ xuất khẩu, nâng cao tính cạnh tranh các sản phẩm thủy sản trên thị trường;
- Ứng dụng công nghệ tế bào trong nuôi cấy mô để sản xuất các giống thuần rong biển nhằm chủ động cung cấp giống phục vụ nuôi trồng rong biển.

b) Bảo tồn, khai thác nguồn gen thủy sản:

- Phát triển công nghệ bảo quản lạnh gen (bao gồm bảo quản tinh, trứng, phôi) kết hợp với việc sử dụng marker di truyền để lưu giữ lâu dài các giống thuần, bảo tồn và khôi phục quỹ gen các giống thủy sản bản địa. Trước mắt, tập trung xây dựng ngân hàng tinh đông lạnh các loài cá, tôm phục vụ bảo tồn quỹ gen và cung cấp vật liệu cho công tác tạo giống;
- Nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu sinh học, công nghệ sinh học tiên tiến của thế giới trong việc bảo quản lạnh lâu dài tinh, trứng, phôi phục vụ công tác chọn lọc, lai tạo các giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao;
- Ứng dụng công nghệ mẫu sinh, phụ sinh trên một số đối tượng thủy sản, chủ động tạo giống nhân tạo, phục vụ bảo tồn quỹ gen và nâng cao chất lượng giống thủy sản;
- Phát triển các công nghệ bảo quản các vi tảo biển, thực vật thủy sinh bản địa quý hiếm và tạo ngân hàng vi tảo biển.

c) Thức ăn, phòng trị bệnh và quản lý môi trường thủy sản:

- Nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ enzym, protein và vi sinh để sản xuất các loại thức ăn cho một số đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ lực (tôm sú, cá tra, cá rô phi, tôm càng xanh, cua biển, cá hồng, cá tráp, cá giò, cá song, nghêu...) có hiệu suất tiêu hoá cao, giá thành hạ, sinh trưởng tốt, sản phẩm nuôi bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Ứng dụng sinh học phân tử để chẩn đoán bệnh ở các đối tượng nuôi trồng thủy sản; sản xuất các chế phẩm sinh học và bộ kit để chẩn đoán nhanh, phòng trị có hiệu quả một số bệnh nguy hiểm thường gặp ở tôm sú, cá tra, cá rô phi, tôm càng xanh, tôm chân trắng và một số loài cá biển;

- Phát triển các chế phẩm sinh học nhằm tăng cường sức đề kháng bệnh và phòng trị có hiệu quả bệnh MBV, đốm trắng, đầu vàng ở tôm sú;
- Phát triển các loại vacxin, đặc biệt vacxin thế hệ mới (vacxin tái tổ hợp, vacxin kỹ thuật gen) để phòng bệnh cho cá, tôm;
- Ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý chất thải từ nuôi trồng thủy sản;
- Phát triển một số chế phẩm, hoạt chất sinh học để xử lý chất thải thủy sản và thay thế hoá chất, kháng sinh sử dụng trong sản xuất thủy sản (đặc biệt trong nuôi tôm sú, cá tra...) góp phần nâng cao hiệu quả nuôi, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh sản phẩm thủy sản.

d) Công nghệ sau thu hoạch, chế biến và quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản:

- Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo quản sau thu hoạch, chế biến thủy sản, an toàn sản phẩm thủy sản, xử lý phế thải và chất thải chế biến thủy sản;
- Điều tra, tách chiết các hợp chất có hoạt tính sinh học cao ở sinh vật biển phục vụ làm thuốc chữa bệnh;
- Ứng dụng các chế phẩm enzym có hoạt tính cao trong chế biến sản phẩm thủy sản nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và tạo mặt hàng mới có giá trị;
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý phế thải và nước thải từ chế biến thủy sản;
- Phát triển và áp dụng các phương pháp phát hiện nhanh, chính xác các tác nhân nguy hiểm và tồn dư hoá chất, kháng sinh trong thực phẩm thủy sản.

2. Xây dựng tiềm lực phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản:

a) Đào tạo nguồn nhân lực:

- Gửi một số cán bộ khoa học đã có học vị tiến sĩ, thạc sĩ đến các nước có nền công nghệ sinh học thủy sản phát triển để đào tạo lại ngắn hạn với thời gian từ 06 tháng đến 01 năm;